

Bản án số: 67/2021/DS-PT
Ngày 28 - 9 - 2021
V/v tranh chấp quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU

- *Tnh phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Thanh D

Các Thẩm phán: Ông Lê Thanh Hùng

Ông Lê Thanh Danh

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Hồng Thị Xuân - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa:*
Bà Huỳnh Diễm Lệ - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 25/2021/TLPT-DS ngày 14 tháng 4 năm 2021, về tranh chấp quyền sử dụng đất.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 15/2021/DS-ST ngày 05 tháng 3 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 57/2021/QĐ-PT ngày 14 tháng 6 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Công T, sinh năm 1961; Địa chỉ: Ấp X, xã L, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu. (có mặt)

- *Bị đơn:* Bà Trịnh Kim D, sinh năm 1967; Địa chỉ: Ấp Y, G, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu. (có mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu; Trụ sở: Ấp 3, G, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Tô Minh Đ, chức vụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu. (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

2. Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1961; Địa chỉ: Ấp X, xã L, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị T: Ông Nguyễn Công T,

sinh năm 1961, theo Văn bản ủy quyền ngày 21/8/2020. (có mặt)

3. Anh Nguyễn Trọng N, sinh năm 1999; Địa chỉ: Ấp Y, G, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu.

Người đại diện theo ủy quyền của anh Nguyễn Trọng N: Bà Trịnh Kim D, sinh năm 1967; Địa chỉ: Ấp Y, G, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu, theo Văn bản ủy quyền ngày 04/5/2020. (có mặt)

4. Ông Nguyễn Văn K, sinh năm 1967 (đã chết)

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông Nguyễn Văn K: Anh Nguyễn Trọng N, sinh năm 1999 và bà Trịnh Kim D, sinh năm 1967; cùng địa chỉ: Ấp Y, G, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu.

- *Người kháng cáo:* Nguyên đơn ông Nguyễn Công T và bị đơn bà Trịnh Kim D.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn ông Nguyễn Công T, đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị T trình bày: Năm 2004, cha vợ ông là ông Nguyễn Văn T có làm tờ ủy quyền cho vợ chồng ông diện tích 7800m², đất tọa lạc tại ấp Y, G, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu; vợ chồng ông sử dụng đất từ năm 2004 và có hàng cây để làm ranh. Khi cho đất thì ông T chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quá trình sử dụng đất gia đình ông chưa đăng ký, kê khai để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Năm 2011 khi Nhà nước làm lộ Giá Rai-Gành Hào, ông có mời chính quyền địa phương và các hộ dân giáp ranh để cắm ranh lại một số cây bị mất nhưng vẫn cắm đúng vị trí cũ, bà D không đồng ý vì bà D cho rằng ông cắm ranh lấn qua đất của bà D nên hai bên phát sinh tranh chấp. Trong thời gian ông đang khiếu nại đến cơ quan có thẩm quyền thì Ủy ban nhân dân huyện Đ đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà D nhưng ông không biết cấp vào thời gian nào.

Tại Đơn K kiện ngày 05/7/2019 và đơn K kiện bổ sung ngày 20/8/2020 ông yêu cầu giải quyết buộc bà Trịnh Kim D trả cho vợ chồng ông diện tích đất tranh chấp là 3500m², đất tọa lạc tại ấp Y, G, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu; yêu cầu bà D và ông K trả số tiền Nhà nước bồi thường, hỗ trợ từ việc thu hồi một phần diện tích đất trong diện tích đất 1196m² là 592.020.000 đồng.

Tại phiên tòa sơ thẩm, ông T rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với diện tích đất 2221.2m², chỉ yêu cầu bà D và ông K trả cho vợ chồng ông diện tích đất 1159.9m² đất tại một phần thửa đất số 169, tờ bản đồ số 25 và diện tích đất 118.9m² tại một phần thửa đất số 170, tờ bản đồ số 25, tọa lạc tại ấp Y, G, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu; yêu cầu bà D, ông K trả cho vợ chồng ông số tiền 592.020.000 đồng mà vợ chồng bà D đã nhận từ Nhà nước khi thu hồi đất; yêu cầu hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất đang tranh chấp 159.9m² thuộc một phần thửa đất số 169, tờ bản đồ số 25, hiện nay là thửa đất

số 183, tờ bản đồ số 25 do Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp cho hộ bà Trịnh Kim D và ông Nguyễn Văn K.

Bị đơn bà Trịnh Kim D, đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Trọng N và là người kế thừa kế quyền lợi, nghĩa vụ của ông Nguyễn Văn K trình bày: Nguồn gốc đất vợ chồng bà nhận chuyển nhượng của ông Trịnh Văn Thống vào năm 1988, diện tích khoảng hơn 06 hecta, khi nhận chuyển nhượng không làm giấy tờ do là anh em ruột với nhau. Khi nhận chuyển nhượng thì phần đất này có cái bờ là ranh đất với ông Nguyễn Văn T (cha vợ của ông T). Năm 1993 Nhà nước mức kênh xáng để làm lộ Giá Rai-Gành Hào nên con bờ không còn. Vợ chồng bà có kê khai đăng ký quyền sử dụng đất sau khi Nhà nước đã mức kênh làm lộ và đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 49.780m² do Ủy ban nhân dân huyện Giá Rai (nay là Ủy ban nhân dân huyện Đ) cấp vào năm 1998. Sau đó, không nhớ thời gian nào giữa ông T và vợ chồng bà phát sinh tranh chấp. Đến ngày 05 tháng 12 năm 2012 hai bên đồng ý thỏa thuận 300.4m² là đất của vợ chồng bà, giải quyết tranh chấp xong nên vợ chồng bà được nhận tiền bồi thường đối với phần đất này và phần đất 300.4m² nằm trong phần đất 3500m². Đến ngày 29/10/2013 bà được Ủy ban nhân dân huyện Đông Hải cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 3101m², đất tại thửa 169, tờ bản đồ số 25 (hiện nay là thửa 183, tờ bản đồ số 25). Do đó, bà không đồng ý trả cho ông Tạo diện tích đất tranh chấp 1159.9m², không đồng ý hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà đối với diện tích đất tranh chấp nêu trên.

Đối với diện tích đất tranh chấp 118.9m² thuộc một phần thửa đất số 170, tờ bản đồ số 25 thì bà đồng ý trả theo yêu cầu của ông Tạo.

Đối với yêu cầu của ông Tạo, yêu cầu bà trả tiền Nhà nước đền bù thu hồi đất số tiền 592.020.000 đồng. Năm 2013 Nhà nước có thu hồi của bà diện tích đất 1196m² thuộc thửa đất 23 + 52 - 1, tờ bản đồ số 28, tọa lạc tại ấp 4, thị trấn Gành Hào, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu, số tiền Nhà nước bồi thường là 577.159.700 đồng. Nguồn gốc phần đất này là của ông Trịnh Văn T chuyển nhượng cho bà vào năm 1988, bà sử dụng đến khi Nhà nước thu hồi và không có tranh chấp, không phải đất của ông Tạo nên bà không đồng ý trả cho ông Tạo số tiền 592.020.000 đồng.

Người đại diện theo pháp luật của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân huyện Đông Hải trình bày tại bản tự khai ngày 30/7/2020: Phần đất tranh chấp giữa ông Nguyễn Công T và Bà Trịnh Kim D có diện tích 1159.9 m² tại một phần thửa số 169, tờ bản đồ số 25 (theo bản đồ 2006 Tnh lập năm 2006) được Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng cho bà Trịnh Kim D. Tại thời điểm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Trịnh Kim D là phù hợp với trình tự, thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thời điểm cấp giấy. Đối với phần diện tích 118.9 m² tại thửa số 170, tờ bản đồ số 25 phần đất này chưa cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, theo sổ mục kê đất đai lập vào năm 2006 phần đất này do ông Nguyễn Công T kê khai,

đăng ký và phân đất nêu trên đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.. Đối với thửa đất số 23, tờ bản đồ 24, đất tọa lạc tại khu vực V, thị trấn G, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu, được UBND huyện Đ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 1276,1m² cho bà D và ông K, trình tự thủ tục cấp giấy đúng theo quy định pháp luật.

Từ nội dung trên, tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 15/2021/DS-ST ngày 05/3/2021 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu đã quyết định:

Áp dụng khoản 9 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm c khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 228, khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 203 Luật đất đai năm 2013; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ xét xử đối với một phần yêu cầu K kiện của ông Nguyễn Công T về yêu cầu bà Trịnh Kim D, anh Nguyễn Trọng N trả lại diện tích 2221.2m² đất tọa lạc tại ấp Y, G, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu.

2. Không chấp nhận yêu cầu K kiện của ông Nguyễn Công T về yêu cầu bà Trịnh Kim D, anh Nguyễn Trọng N trả lại quyền sử dụng diện tích 1159.9m², tại một phần thửa số 169, tờ bản đồ số 25 (theo bản đồ địa chính chính quy lập năm 2006) đất tọa lạc tại ấp Y, G, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu (có tuyên tứ cạnh kèm theo).

3. Không chấp nhận yêu cầu K kiện của ông Nguyễn Công T về yêu cầu bà Trịnh Kim D, anh Nguyễn Trọng N trả lại số tiền 592.020.000 đồng.

4. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Tạo đối với bà Dũng và anh N về việc yêu cầu bà Dũng, anh N trả lại diện tích đất 118.9m².

Ghi nhận sự tự nguyện của bà D, anh N về việc trả cho ông T phần diện tích 118.9m² (tại một phần thửa số 170, tờ bản đồ số 25 (theo sổ mục kê năm 2006) đất tọa lạc tại ấp Y, G, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu (có tuyên tứ cạnh kèm theo).

Ông Nguyễn Công T, bà Nguyễn Thị T có quyền kê khai đăng ký để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định pháp luật.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 18/3/2021, nguyên đơn ông Nguyễn Công T kháng cáo Bản án số 15/2021/DS-ST ngày 05/3/2021 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu, yêu cầu cấp phúc thẩm giải quyết chấp nhận yêu cầu K kiện của ông về việc

buộc bà Trịnh Kim D trả cho ông phần diện tích đất 1159.9m² và số tiền bà D đã nhận đền bù đối với diện tích 1196m² là 589.059.900 đồng.

Ngày 19/3/2021, bị đơn bà Trịnh Kim D kháng cáo bản án số 15/2021/DS-ST ngày 05/3/2021 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu, không đồng ý chịu án phí và chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ. Với lý do, phần diện tích đất 118.9m² mà Tòa án buộc bà trả cho ông T thì phần đất này giữa bà với ông T đã được giải quyết vào năm 2012 nên bà không biết phần đất buộc giao trả ở vị trí nào và bà chỉ đồng ý giao trả đất theo bản vẽ năm 2012.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, sau khi thảo luận nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Đơn kháng cáo của nguyên đơn ông Nguyễn Công T và bị đơn bà Trịnh Kim D trong hạn luật định, nên được chấp nhận xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Công T:

Ông Nguyễn Công T khởi kiện yêu cầu bà Trịnh Kim D trả lại phần diện tích đất qua đo đạc thực tế là 1159.9m², đất tại thửa 169, tờ bản đồ số 25, đất tọa lạc tại ấp Y, G, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu. Xét thấy: Ông T xác định nguồn gốc đất tranh chấp là của ông Nguyễn Văn T (cha ông T) cho lại ông theo “*Tờ ủy quyền*” ngày 29/4/2004. Tuy nhiên, theo nội dung tờ ủy quyền không thể hiện cụ thể diện tích đất, số thửa, tờ bản đồ cũng như vị trí đất nên không có căn cứ xác định phần đất được tặng cho trong tờ ủy quyền trên là phần đất tranh chấp. Đồng thời, tại phiên tòa ông T xác định do phần đất này là đất nuôi trồng thủy sản nhưng không có đường thoát nước nên ông để đất trống, không sử dụng và gia đình ông cũng không đứng tên đăng ký kê khai trong sổ mục kê liên quan đến phần đất này. Ngoài lời trình bày và “*Tờ ủy quyền*” trên, ông T không cung cấp được chứng cứ gì để chứng minh nguồn gốc đất trên là của ông T cho ông T, nên Hội đồng xét xử không có cơ sở chấp nhận lời trình bày của ông T về nguồn gốc đất đối với phần đất tranh chấp nêu trên.

[3] Về phía bà D cho rằng nguồn gốc đất là của ông Trịnh Văn T được tập đoàn lô 8 cấp thửa đất năm 1985 và ông Thống chuyển nhượng lại cho bà D năm 1988. Xét lời trình bày của bà D, thấy rằng: Tại trích đo bản đồ địa chính ngày 13/8/2013 (bút lục 239 - 241) thể hiện thửa đất 51, 52, tờ bản đồ số 25 hợp thửa đất thửa 168, tờ bản đồ số 25 và thửa 168 được tách Tnh thửa 169, 170 đều thể hiện người sử dụng đất là bà Trịnh Kim D và bà D đã được Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 29/10/2013. Đồng thời, tại Công văn số 241/UBND ngày 10/02/2020 của Ủy ban nhân dân huyện Đ (bút lục 174) xác định: “..*phần diện tích đất 1.159,9m² tại một phần thửa đất 169, tờ bản đồ số 25, bản đồ địa chính, chính quy lập năm 2006, phần đất này được cấp*

giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Trịnh Kim D, trình tự, thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đúng theo quy định của pháp luật..”. Từ đó, Hội đồng xét xử có cơ sở xác định phần đất tranh chấp đã được bà D quản lý, sử dụng hợp pháp và có đăng ký kê khai để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo đúng quy định pháp luật như lời trình bày của bà D là có căn cứ, nên không có căn cứ chấp nhận nội dung kháng cáo này của ông Nguyễn Công T.

[4] Xét yêu cầu của ông Nguyễn Công T về việc buộc bà Trịnh Kim D và anh Nguyễn Trọng N trả số tiền đã nhận bồi thường 592.020.000 đồng đối với phần diện tích đất đã thu hồi là 1196m². Hội đồng xét xử thấy rằng: Theo Quyết định thu hồi đất số 4429/QĐ-UBND ngày 17/10/2011 và Quyết định thu hồi đất số 2607/QĐ-UBND ngày 03/6/2013 của Ủy ban nhân dân huyện Đ về việc thu hồi đất của bà Trịnh Kim D, đất tại các thửa số 23, 52-1, 52-2, tờ bản đồ số 28. Như đã phân tích tại mục [3] thì phần đất tại các thửa số 52 được hợp Tnh thửa đất 168 và tách ra Tnh thửa 169 hiện bà D đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; tại bản tự khai ngày 30/7/2020 (bút lục 288b) Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đ đã xác định đất tại thửa 23, tờ bản đồ số 24 đã được cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho vợ chồng bà D theo giấy AH 623267 là đúng quy định pháp luật. Do đó, có căn cứ xác định bà D sử dụng hợp pháp đối với các thửa đất nêu trên, nên việc Ủy ban nhân dân huyện Đ ban hành Quyết định thu hồi, bồi thường cho bà D theo các quyết định trên là đúng quy định. Vì vậy, Hội đồng xét xử không có cơ sở chấp nhận nội dung kháng cáo này của ông Nguyễn Công T.

[5] Xét kháng cáo của bà Trịnh Kim D không đồng ý chịu khoản tiền án phí và chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản với lý do phần diện tích đất 118.9m² đã được Ủy ban nhân dân huyện Đ giải quyết ngày 05/12/2012 nên việc Tòa án tiếp tục giải quyết buộc bà giao trả đất thì bà không xác định được phải giao trả phần đất tại vị trí nào. Thấy rằng: Tại Công văn số 2678/UBND ngày 21/9/2020 của Ủy ban nhân dân huyện Đ đã xác định phần diện tích đất nêu trên thuộc quyền sử dụng của ông Nguyễn Công T theo biên bản hòa giải tự nguyện thống nhất ranh đất ngày 05/12/2012, tại phiên tòa sơ thẩm bà D cũng tự nguyện giao trả phần đất này cho ông T, nên việc Tòa án cấp sơ thẩm ghi nhận sự tự nguyện của bà D về việc giao trả phần đất trên cho ông T là đúng quy định pháp luật. Tại cấp phúc thẩm, bà D thay đổi ý kiến không đồng ý giao trả phần đất này cho ông T. Tuy nhiên, bà D không có chứng cứ chứng minh cho phần đất này là của bà, nên không chấp nhận nội dung kháng cáo này của bà Trịnh Kim D.

[6] Mặt khác, theo quy định tại Điều 147, Điều 156, Điều 165 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 4 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/NQ-HĐTP ngày 30/12/2016 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì bị đơn phải chịu án phí sơ thẩm đối với phần yêu cầu K kiện của nguyên đơn được chấp nhận. Do có cơ sở chấp nhận một phần yêu cầu K kiện của ông T đối với phần diện tích 118.9m² nên bà D phải chịu án phí sơ thẩm và một phần chi phí xem

xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản đối với yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận là đúng quy định pháp luật, nên không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Trịnh Kim D.

[7] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn ông Nguyễn Công T và bị đơn bà Trịnh Kim D; có căn cứ chấp nhận phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 15/2021/DS-ST ngày 05/3/2021 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu.

[8] Về án phí phúc thẩm: Ông Nguyễn Công T được miễn toàn bộ do thuộc trường hợp người cao tuổi. Bà Trịnh Kim D phải chịu theo quy định của pháp luật.

[9] Các phần khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn ông Nguyễn Công T và bị đơn bà Trịnh Kim D. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 15/2021/DS-ST ngày 05/3/2021 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu.

Áp dụng khoản 9 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm c khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 228, khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 203 Luật đất đai năm 2013

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ xét xử đối với một phần yêu cầu K kiện của ông Nguyễn Công T về yêu cầu bà Trịnh Kim D, anh Nguyễn Trọng N trả lại diện tích 2221.2m² đất tọa lạc tại ấp Y, G, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu.

2. Không chấp nhận yêu cầu K kiện của ông Nguyễn Công T về yêu cầu bà Trịnh Kim D, anh Nguyễn Trọng N trả lại quyền sử dụng diện tích 1159.9m², tại một phần thửa số 169, tờ bản đồ số 25 (theo bản đồ địa chính chính quy lập năm 2006) đất tọa lạc tại ấp Y, G, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu. Có vị trí cụ thể như sau:

Hướng Đông giáp đất ông Lập có số đo 1,9m;

Hướng Tây giáp lộ 19 tháng 5 có số đo 93.06m;

Hướng Nam giáp phần đất tranh chấp giữa ông Nguyễn Công T và bà Trịnh Kim D diện tích 118.9m^2 có số đo 102.8m;

Hướng Bắc giáp đất bà Trịnh Kim D có số đo 168.2m + 28.55m.

3. Không chấp nhận yêu cầu K kiện của ông Nguyễn Công T về yêu cầu bà Trịnh Kim D, anh Nguyễn Trọng N trả lại số tiền 592.020.000 đồng.

4. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Công T đối với bà Trịnh Kim D và anh Nguyễn Trọng N về việc yêu cầu bà D, anh N trả lại diện tích đất 118.9m^2 .

Buộc bà Trịnh Kim D và anh Nguyễn Trọng N giao trả cho ông Nguyễn Công T phần diện tích 118.9m^2 thuộc một phần thửa số 170, tờ bản đồ số 25 (theo sổ mục kê năm 2006) đất tọa lạc tại ấp Y, G, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu, đất có vị trí cụ thể như sau:

Hướng Đông giáp đường đi phần đất tranh chấp có cạnh dài 0m;

Hướng Tây giáp lộ 19 tháng 5 có cạnh dài 16.44m,

Hướng N giáp phần đất ông Nguyễn Công T cạnh dài 86.5m;

Hướng Bắc giáp đất bà Trịnh Kim D cạnh dài 102.8.

Ông Nguyễn Công T, bà Nguyễn Thị T có quyền kê khai đăng ký để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định pháp luật.

5. Về án phí:

5.1. Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch và không có giá ngạch: Ông Nguyễn Công T được miễn do là người cao tuổi. Ông T đã tạm ứng số tiền 14.800.000 đồng tại biên lai thu số 0007830 ngày 20/8/2020 được hoàn lại tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ.

Bà Trịnh Kim D phải nộp số tiền là 300.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu.

5.2. Án phí dân sự phúc thẩm:

Ông Nguyễn Công T được miễn do là người cao tuổi.

Bà Trịnh Kim D phải nộp 300.000 đồng, bà D đã dự nộp tạm ứng án phí phúc thẩm 300.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu theo biên lai thu tiền số 0011615 ngày 19/3/2021 được chuyển thu án phí.

6. Chi phí thẩm định tại chỗ đối với diện tích đất tranh chấp là 1.635.000 đồng. Buộc ông Nguyễn Công T phải chịu 817.500 đồng, bà Trịnh Kim D phải nộp 817.500 đồng. Ông Nguyễn Công T đã nộp xong. Buộc bà Trịnh Kim D phải nộp số tiền 817.500 đồng để trả lại cho ông Nguyễn Công T.

7. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDCC tại TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Bạc Liêu;
- TAND huyện Đ;
- CCTHADS huyện Đ;
- Đường sự;
- Lưu, Tổ HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Thanh Dũng